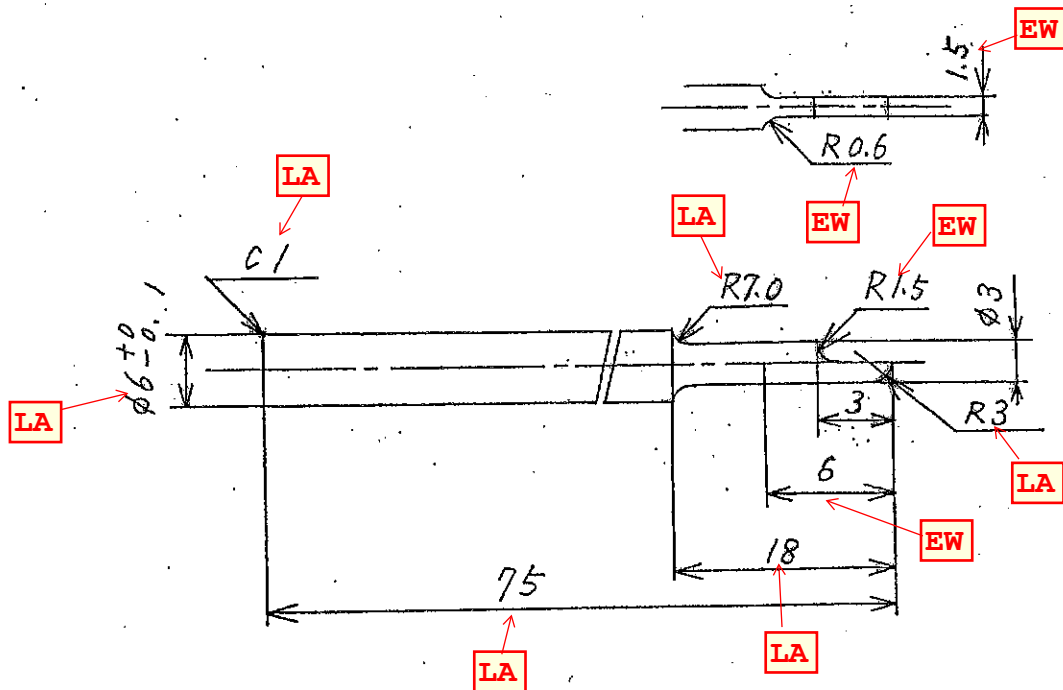


114.1020005

記号	年月日	記	連絡書No	記入	CHK.
②	'98.12.24	数量追記	TKM-387-16	王木	



工程名

5247-005M-00-1-001-AA (焼入れ先端20mm取付可)

一〇/ 番 号	コ 部	テ 品 名	SCM435 又は同等	② 1	備 考
承 認	尺 度	熱処理	HR-C 38°~47°	名称	セリカシメ糸起ニ分解治具
検 図	比例尺 でない	表面処理			(巾1.5). RF-N60/M50 他
設 計	第三角法	作成	S58.4.22	図 番	ME08-015-M-01
製 図	島村	マフ子モーター株式会社		REV.	A

S342015

(国図番: ME-X-83-004)

(原)

SNO: S342015

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

1.VẬT LIỆU:
SCM43
Ø6*80

LA:30
HT:40
EW:40
AF:10